TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K,** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 55/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 31/08/2023
Về việc: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Đào Thị Thanh Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 08 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 07 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn N, sinh năm 1996

ĐKHKTT và trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lã Thị Huyền T, sinh năm 2001

ĐKHKTT: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Hiện tạm trú tại: Xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là anh Vũ Văn N trình bày: Anh và chị Lã Thị Huyền T sau thời gian ngắn tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau.Đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 2 năm 2019 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trước đó cả hai tìm hiểu nhau chưa thật kỹ càng nên khi về sống chung với nhau đã luôn bất đồng quan điểm lối sống và mâu thuẫn nhau cả về vấn đề tiền bạc và kinh tế. Vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi chửi nhau. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên khoảng tháng 5 năm 2021 chị T đã tự ý bỏ đi và về nhà bố mẹ đẻ của chị T sinh sống, cắt đứt liên lạc với anh, thời gian đầu anh có sang nhà bố mẹ vợ để tìm gặp chị T khuyên bảo động viên để chị T về vợ chồng bỏ qua khuyết điểm lỗi lầm của nhau về đoàn tụ nhưng chị T không quay về. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân mỗi người

một nơi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung, nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị T không có tài sản sản chung và công nợ. Nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong văn bản trình bày ý kiến ngày 07 tháng 5 năm 2023 bị đơn là chị Lã Thị Huyền T trình bày: Chị và anh Vũ Văn N Đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống cùng gia đình anh Năm tại xóm 2, xã K. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do trong cuộc sống không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi chửi nhau, mặt khác anh N có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác vợ chồng không tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm. Khi hai người không nói chuyện được với nhau và vì cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xóm 6 xã K từ giữa năm 2021 cho đến nay. Anh chị sống ly thân nhau hai năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh N có đơn xin ly hôn chị đồng ý ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Năm không có con chung. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyêt.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh N không có tài sản chung và công nợ vì vậy chị không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn N và chị Lã Thị Huyền T ly hôn.
- Án phí: Anh Vũ Văn N nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Văn N có đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" với chị Lã Thị Huyền T có nơi cư trú tại 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là chị Lã Thị Huyền T, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn N và chị Lã Thị Huyền T có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 2 năm 2019 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh N được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống và vợ chồng không tin tưởng và không tôn trọng nhau. Cả anh N và chị T đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân nhau hai năm nay không có khả năng về đoàn tụ. Anh N có đơn xin ly hôn chị T hoàn toàn nhất trí. Tuy nhiên Chị T sau đó đã đi khỏi địa phương không có mặt tại nơi cư trú và không rõ thời điểm chị T trở về địa phương. Đồng thời không có mặt để làm các thủ tục hòa giải về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã K xác định: Anh N là công dân xã K, sau khi tìm hiểu đã kết hôn với chị T là công dân xã K. Đăng ký kết hôn tại UBND xã K. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh năm tại xóm 2, xã K quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị còn trẻ tuổi nên về sống chung luôn bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề. Từ giữa năm 2021 chị T về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 6, xã K sinh sống không chung sống cùng anh N nữa. Nay anh N xin ly hôn chị T đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống hôn nhân của anh N và chị T các bên thừa nhận có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa, cả hai đều thống nhất quan điểm ly hôn. Điều đó thể hiện quan hệ hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Anh N và chị T không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh N và chị T không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Anh Vũ Văn N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Vũ Văn N và chị Lã Thị Huyền T (Quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về án phí: Anh Vũ Văn N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004848 ngày 11 tháng 04 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh